

Số: 477-1/2025/QCĐG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài Chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 477/2025/HĐ-EVNSPC-LSSG ngày 21/11/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số: 1486.../2025/HĐ-EVNSPC-LSSG ngày 28/11/2025 giữa Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn;

Căn cứ hồ sơ pháp lý của tài sản đấu giá.

Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn ban hành Quy chế cuộc đấu giá gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, nơi có tài sản, giấy tờ pháp lý của tài sản

1. Tài sản đấu giá:

Lô 1: Vật tư thiết bị cần thanh xử lý không có chất thải nguy hại của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, chi tiết tài sản theo phụ lục đính kèm.

2. Giá khởi điểm của Lô 1: **3.912.655.000** đồng. Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm mười hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng. Đã bao gồm thuế GTGT 10%.

3. Đơn vị có tài sản đấu giá tại: Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản: Là tài sản được quyền thanh lý theo quy định của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

Điều 2. Tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá

Khách hàng có thể tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá miễn phí tại:

a) Trang thông tin đấu giá trực tuyến: lacvietauction.vn;

b) Cổng đấu giá tài sản quốc gia (Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản) - dgts.moj.gov.vn;

c) Trang điện tử của Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: daugialamson.com;

d) Trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Thời gian, địa điểm xem tài sản; Thời gian điểm danh; Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá; Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/12/2025 (trong giờ làm việc) tại: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>, Điện thoại: 0765.325215/ 02822455120/ 038.612.9606.

b) Thời gian, địa điểm, đăng ký tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/12/2025 (trong giờ làm việc) tại Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>, Điện thoại: 0765.325215.

Trong trường hợp khách hàng có vướng mắc khó khăn gì trong quá trình đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến thì khách hàng liên hệ trực tiếp với Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hướng dẫn cụ thể chi tiết. Số điện thoại liên hệ: 0765.325215.

2. Người tham gia đấu giá xem tài sản đấu giá trực tuyến hoặc xem tài sản trực tiếp theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này. Thời gian và địa điểm xem tài sản trực tiếp: Từ ngày 08/12/2025 đến ngày 10/12/2025 (trong giờ làm việc) tại:

- ✓ Tổng kho: Km 9 xa lộ Hà Nội, đường số 2, phường Thủ Đức, TP.HCM.
- ✓ Tổng Công ty Điện lực Miền Nam: 72 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP.HCM.
- ✓ Ban QLDAĐLMN: 16 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP.HCM.
- ✓ Nhà máy Tân Phú Trung: Khu công nghiệp Tân Phú Trung, TP.HCM.

- Việc xem tài sản không là điều kiện bắt buộc đối với người tham gia đấu giá, do đó khách hàng tự chịu trách nhiệm về việc hiểu rõ các tính chất, đặc điểm, số lượng và chất lượng tài sản đấu giá, chấp nhận hiện trạng thực tế của tài sản (tài sản có sao bán vậy), các thông tin liên quan đến tài sản đấu giá. Mọi khiếu nại về tài sản đấu giá và thông tin liên quan đến tài sản đấu giá trong phiên đấu giá hoặc sau khi phiên đấu giá kết thúc sẽ không được giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xem tài sản do khách hàng tự chi trả. Các khách hàng không đi xem tài sản đấu giá được coi là đã chấp nhận hiện trạng thực tế của tài sản (tài sản có sao bán vậy) và không có quyền khiếu nại khiếu nại về tài sản đấu giá.

- Trong trường hợp không liên hệ được số điện thoại nêu trên, khách hàng phải thông báo ngay bằng điện thoại cho Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hỗ trợ (Số điện thoại liên hệ: 0908553468).

3. Thời gian điểm danh: Người đủ điều kiện tham gia đấu giá có trách nhiệm truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh việc tham dự phiên đấu giá trong khoảng thời gian: **Bắt đầu từ 14 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 12/12/2025** tại Trang đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>. Trường hợp người đủ điều kiện tham gia đấu giá không truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá này thì được coi là không tham dự phiên đấu giá quy định tại điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, trừ trường hợp bất khả kháng.

4. **Thời gian, địa chỉ tổ chức phiên đấu giá: Từ 14 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 12/12/2025 tại địa chỉ Trang đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>.**

5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá trực tuyến hợp lệ và nộp tiền đặt trước cho Công ty Đấu

giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá trực tuyến thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó.

a) Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Những người không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 38 của Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đều được đăng ký tham gia đấu giá.

b) Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người đăng ký tham gia đấu giá truy cập vào Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến có địa chỉ tên miền <http://lacvietauction.vn> và làm theo hướng dẫn để tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá, để đăng ký tham gia đấu giá hoặc tải hồ sơ mời tham gia đấu giá, hoàn thiện hồ sơ tham gia đấu giá (hồ sơ có đầy đủ các thành phần được quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này). Sau **16 giờ 30 phút, ngày 09/12/2025**, các trường hợp hồ sơ đấu giá ghi nhận trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến không hợp lệ;

Điều 4. Hồ sơ tham gia đấu giá nộp trực tuyến gồm có

Khách hàng tham gia đấu giá tạo tài khoản truy cập và đăng ký tham gia đấu giá trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn> phải hoàn thiện đầy đủ các thông tin theo hướng dẫn, cụ thể như sau:

- ✓ Tên tổ chức;
- ✓ Tên đăng nhập; Mật khẩu;
- ✓ Số điện thoại liên hệ;
- ✓ Địa chỉ email liên hệ;
- ✓ Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức; Chức vụ;
- ✓ Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế; ngày cấp (lần đầu); nơi cấp (lần đầu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ✓ Địa chỉ trụ sở;
- ✓ Tải lên Trang thông tin đấu giá trực tuyến văn bản (định dạng đuôi .PDF; .DOC; .DOCX) bản chính các giấy tờ sau:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của tổ chức;
 - Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ Chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- ✓ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu);
- ✓ Thông tin tài khoản ngân hàng nhận lại tiền đặt trước của tổ chức tham gia đấu giá trong trường hợp không trúng đấu giá.
 - ✓ Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã đăng ký, tài liệu đăng tải lên Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>. Trường hợp Khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tài khoản, tham dự phiên đấu giá thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
 - ✓ Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng và bảo mật tài khoản, mật khẩu truy cập trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến

<http://lacvietauction.vn>. Trường hợp bị mất hoặc phát hiện tài khoản của mình đang bị sử dụng trái phép thì phải thông báo ngay cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

✓ Mọi sự điều chỉnh giấy tờ, hồ sơ của người đăng ký tham gia đấu giá chỉ được xem xét giải quyết nếu thời hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá chưa kết thúc.

✓ Người đăng ký tham gia đấu giá không thực hiện việc hoàn tất tài hồ sơ như quy định tại Điều 4 của Quy chế cuộc đấu giá này được xem là không đủ điều kiện tham gia đấu giá.

Trong trường hợp khách hàng có vướng mắc khó khăn gì trong quá trình đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến thì khách hàng liên hệ trực tiếp với Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hướng dẫn cụ thể chi tiết. Số điện thoại liên hệ: 0765.325215.

Lưu ý: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải thực hiện tải toàn bộ “Hồ sơ tham gia đấu giá nộp trực tuyến” theo quy định tại Điều 4 của Quy chế cuộc đấu giá này. Trong trường hợp khách hàng không hoàn thiện việc tải hồ sơ lên *trang thông tin đấu giá trực tuyến* <http://lacvietauction.vn> thì xem như không đủ điều kiện tham gia đấu giá.

Điều 5. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước

1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 200.000 đồng/01 bộ hồ sơ.

Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Nộp vào tài khoản theo hướng dẫn sau:

- Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn
- Số tài khoản 6460201005069 tại Agribank Tân Phú.
- Nội dung nộp: *Tên tổ chức nộp tiền phí hồ sơ LÔ 1 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.*

2. Số tiền đặt trước: 782.531.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi hai triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng*).

3. Thời gian, hình thức nộp tiền đặt trước: Từ **07 giờ 30 phút ngày 01/12/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/12/2025**. Hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn theo hướng dẫn như sau:

- ✓ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn.
- ✓ Số tài khoản: 6460201019641 mở tại Agribank Tân Phú.
- ✓ Nội dung nộp tiền: *“Tên tổ chức” nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá LÔ 1 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.*

Lưu ý đối với người tham gia đấu giá:

- ✓ Không được nộp tiền đặt trước thay cho người tham gia đấu giá khác.
- ✓ Số tiền đặt trước hợp lệ căn cứ vào thời gian báo CÓ trên tài khoản của Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn, không căn cứ vào thời gian chuyển tiền trên giấy nộp tiền của khách hàng. Tiền đặt trước đến tài khoản của Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sau **16 giờ 30 phút** của ngày hết hạn nộp tiền đặt trước (**ngày 09/12/2025**) mặc nhiên được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- ✓ Người tham gia đấu giá nộp không đúng số tài khoản được coi là không hợp lệ.
- ✓ Phí chuyển tiền đặt trước và nhận lại tiền đặt trước do người tham gia tham gia đấu giá chịu.

Điều 6. Hình thức đấu giá và phương thức đấu giá tài sản

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực trực tuyến.

2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

Điều 7. Bước giá

1. Bước giá: **40.000.000 đồng** (Bốn mươi triệu đồng);

Số bước giá mỗi lần trả: $n = 1, 2, 3, \dots, 10$ (tối đa 10 bước giá)/10 phút đầu tiên; Số lần trả giá của khách hàng trong thời gian đấu giá: Không hạn chế.

Đối với lần trả giá đầu tiên, người tham gia đấu giá có thể trả giá bằng giá khởi điểm.

2. Giá trả hợp lệ: là người tham gia đấu giá đầu tiên có thể trả giá bằng giá khởi điểm, người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề đã trả ít nhất 01 bước giá; Người tham gia đấu giá chỉ trả tối đa 10 bước giá cho mỗi lần trả giá áp dụng trong 10 phút đầu tiên, trong thời gian trả giá còn lại Người tham gia đấu giá được trả giá không giới hạn số bước giá cho mỗi lần trả giá.

Điều 8. Trình tự thực hiện phiên đấu giá

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng tải, thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá, kèm theo danh mục tài sản, hình ảnh tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có) trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến. Khách hàng tham gia đấu giá phải đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ tại Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn và trang đấu giá trực tuyến: **lacvietauction.vn**, nộp tiền đặt trước theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này.

2. Người đăng ký tham gia đấu giá trên trang thông tin đấu giá trực tuyến được hướng dẫn đăng ký một tài khoản truy cập thông qua địa chỉ thư điện tử đăng ký. Người đăng ký tham gia đấu giá sử dụng tài khoản truy cập để được hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ tham gia đấu giá trực tuyến, nộp tiền đặt trước thông qua các hình thức thanh toán trực tuyến, cách thức tham gia đấu giá, trả giá và các nội dung cần thiết khác khi tham gia cuộc đấu giá trực tuyến trên trang thông tin đấu giá trực tuyến.

3. Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước hợp lệ thì được sử dụng tài khoản truy cập để tham dự phiên đấu giá theo Quy chế cuộc đấu giá.

4. Người đủ điều kiện tham gia đấu giá có trách nhiệm truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh việc tham dự phiên đấu giá theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá. Người đủ điều kiện tham gia đấu giá trả giá theo mã số riêng.

5. Trường hợp người đủ điều kiện tham gia đấu giá không truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá thì được coi là không tham dự phiên đấu giá quy định tại điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Người tham gia đấu giá sử dụng tài khoản của mình và thực hiện việc trả giá theo phương thức trả giá lên trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá) đã được công bố. Trường hợp người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trong khoảng thời gian 01 phút trước thời điểm kết thúc phiên đấu giá thì thời gian trả giá được gia hạn thêm 03 phút sau thời điểm kết thúc phiên đấu giá.

7. Cách thức tiến hành đấu giá: Người tham gia đấu giá nhập giá trả vào giao diện trả giá và xác nhận giá trả. Người tham gia đấu giá có thể trả giá nhiều lần trong thời gian đấu giá. Phiên đấu giá kết thúc khi hết thời gian đấu giá.

8. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công đấu giá viên điều hành phiên đấu giá trên trang thông tin đấu giá trực tuyến. Tại thời điểm kết thúc phiên đấu giá, việc xác định người

trúng đấu giá là người có mức trả giá cao nhất (không thấp hơn giá khởi điểm) được hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận. Trường hợp kết thúc thời gian đấu giá, có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất thì người có thời gian trả giá trả giá sớm nhất được hệ thống thông tin đấu giá trực tuyến ghi nhận là người trúng đấu giá.

9. Đấu giá viên được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phiên đấu giá trực tuyến căn cứ kết quả xác định người trúng đấu giá công bố người trúng đấu giá trên hệ thống đấu giá trực tuyến ngay sau khi phiên đấu giá kết thúc.

10. Kết quả cuộc đấu giá trực tuyến được đăng công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia hoặc trang thông tin đấu giá trực tuyến và được gửi vào địa chỉ thư điện tử của người tham gia đấu giá đã đăng ký với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Trường hợp đấu giá tài sản theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá hoặc có nhiều người tham dự phiên đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người tham gia đấu giá:

1. Quyền của người tham gia đấu giá:

- a. Được tham dự phiên đấu giá trực tuyến nếu đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định;
- b. Được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Tài sản đấu giá;
- c. Được trả lại tiền đặt trước trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá trực tuyến nếu không trúng đấu giá và không vi phạm quy định thuộc trường hợp không được nhận lại khoản tiền đặt trước;
- d. Được từ chối tham gia đấu giá và được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản, thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, hình thức đấu giá, phương thức đấu giá đã niêm yết, thông báo công khai. Việc từ chối tham gia đấu giá được thể hiện bằng văn bản và được gửi về tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trước ngày phiên đấu giá được tổ chức.

2. Trách nhiệm của người tham gia đấu giá:

- a. Chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế cuộc đấu giá và các quy định khác của pháp luật;
- b. Nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và nộp khoản tiền đặt trước theo quy định tại thông báo, quy chế cuộc đấu giá;
- c. Cung cấp thông tin, tài liệu hợp lệ, chính xác, trung thực để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá;
- d. Người tham gia đấu giá phải đảm bảo trang thiết bị khi tham gia đấu giá; chịu trách nhiệm trong trường hợp hệ thống mạng của mình gặp sự cố dẫn đến không thể tham gia đấu giá, trả giá trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm trong những trường hợp lỗi không phải do hệ thống đấu giá trực tuyến gây ra;
- đ. Trong thời gian diễn ra phiên đấu giá trực tuyến (tính từ thời gian bắt đầu phiên đấu giá đến thời gian kết thúc phiên đấu giá) người tham gia đấu giá phải đăng nhập vào Trang thông tin đấu giá trực tuyến lacvietauction.vn và truy cập vào phiên đấu giá. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể tham gia trả giá thì trong vòng 24 giờ phải báo cho tổ chức hành nghề đấu

giá tài sản và Người có tài sản và phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra sự việc;

e. Không được từ chối tham gia đấu giá khi đã được xét tư cách của người tham gia đấu giá (trừ trường hợp bất khả kháng). Nếu từ chối tham gia đấu giá thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật

Điều 10. Thông báo kết quả phiên đấu giá

1. Ngay sau khi có kết quả đấu giá trực tuyến, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo kết quả đấu giá cho người trúng đấu giá.

2. Thông báo ghi rõ các thông tin về tài sản đấu giá, thời điểm bắt đầu và kết thúc việc trả giá, thời điểm hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận mã khách hàng trúng đấu giá, giá khởi điểm của tài sản đấu giá, giá trúng đấu giá.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của người trúng đấu giá

1. Quyền của người trúng đấu giá:

a. Được yêu cầu Người có tài sản ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;

b. Các quyền khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định khác của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người trúng đấu giá:

a. Ký biên bản đấu giá theo quy định;

b. Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Người có tài sản đấu giá;

c. Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá cho Người có tài sản theo quy định tại Quy chế này hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật có liên quan;

d. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Biên bản đấu giá

1. Biên bản đấu giá trực tuyến ghi nhận thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá, thời điểm kết thúc phiên đấu giá, số người tham gia đấu giá, giá trúng đấu giá, người trúng đấu giá. Diễn biến của phiên đấu giá được hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận được trích xuất, có xác nhận của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản vận hành trang thông tin đấu giá trực tuyến và đính kèm biên bản đấu giá.

2. Biên bản đấu giá phải được lập tại thời điểm kết thúc việc trả giá và có chữ ký của đấu giá viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phiên đấu giá trực tuyến, người ghi biên bản, người có tài sản đấu giá.

Biên bản đấu giá được gửi vào địa chỉ Email của người trúng đấu giá sau khi kết thúc phiên đấu giá. Người trúng đấu giá có trách nhiệm in biên bản đấu giá, ký tên và gửi về Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

Người trúng đấu giá không ký biên bản và nộp lại biên bản đấu giá đã ký cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn nêu trên được coi là từ chối ký biên bản đấu giá và coi như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc không chấp nhận mua tài sản

đấu giá, khoản tiền đặt trước của người này không được hoàn trả và được nộp vào ngân sách của người có tài sản đấu giá.

Điều 13. Dừng, hủy phiên đấu giá tài sản trước khi tổ chức phiên đấu giá

Dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá trước khi tổ chức phiên đấu giá do có khiếu nại, thủ tục, quy trình đấu giá không đúng theo quy định, văn bản dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá theo quy định của pháp luật thì Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sẽ hoàn trả lại khách hàng toàn bộ số tiền bán hồ sơ, tiền đặt trước trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá. Trong trường hợp này các bên tham gia không có ý kiến gì và không có trách nhiệm bồi thường cho nhau.

Điều 14. Xử lý trường hợp phát sinh do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến

1. Trường hợp do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khiến phiên đấu giá không bắt đầu được, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dừng phiên đấu giá trực tuyến và thông báo ngay cho người có tài sản quyết định thời gian đấu giá lại.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hủy kết quả đấu giá trực tuyến trong trường hợp do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khiến người tham gia đấu giá không thể trả giá, trả giá hợp lệ nhưng không được hệ thống ghi nhận hoặc ghi nhận sai thời gian trả giá sau khi phiên đấu giá bắt đầu và thông báo cho người có tài sản biết để quyết định thời gian đấu giá lại.

3. Trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được thì Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá được hoàn lại tiền hồ sơ, tiền đặt trước đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên đấu giá.

Điều 15. Các trường hợp vi phạm không nhận lại tiền đặt trước

Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

1. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự phiên đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

Lưu ý: Thuật ngữ “không tham dự phiên đấu giá” được hiểu là người tham gia đấu giá không truy cập vào phiên đấu giá hiển thị trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến đấu giá trực tuyến lacvietauction.vn trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá) theo Điều 03 Quy chế cuộc đấu giá này.

2. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Điều 21 Quy chế này.

3. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá.

4. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

5. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

Xử lý tiền đặt trước: Theo quy định Điều 39 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024.

Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vi phạm Khoản 6 Điều Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 thuộc về người có tài sản đấu giá. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách

nhiệm chuyển tiền đặt trước của khách hàng vi phạm vào tài khoản của người có tài sản đấu giá.

Điều 16. Rút lại giá đã trả

1. Trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá), nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên điều hành phiên đấu giá xác nhận công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trường hợp người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trong khoảng thời gian 01 phút trước thời điểm kết thúc phiên đấu giá thì thời gian trả giá được gia hạn thêm 03 phút sau thời điểm kết thúc phiên đấu giá.

2. Người rút lại giá đã trả bị trút quyền tham dự phiên đấu giá và mất tiền đặt trước.

Điều 17. Từ chối kết quả trúng đấu giá

1. Kết thúc thời gian trả giá, màn hình Người trúng đấu giá sẽ hiển thị nút “Chấp nhận” hoặc “Từ chối” kết quả trúng đấu giá và đồng hồ đếm ngược 05 phút. Nếu Người trúng đấu giá bấm nút “Chấp nhận” hoặc không bấm nút nào trong vòng 05 phút, hệ thống sẽ ghi nhận Người trúng đấu giá đồng ý với kết quả đấu giá.

2. Nếu Người trúng đấu giá bấm nút “Từ chối” trong vòng 05 phút đếm ngược, hệ thống sẽ ghi nhận Người trúng đấu giá từ chối kết quả trúng đấu giá và xét giá trả liền kề. Nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá, hệ thống sẽ gửi thông báo về quyền trúng đấu giá trên màn hình của người trả giá liền kề có thời gian trả giá sớm nhất. Nếu người trả giá liền kề đó đồng ý mua tài sản đấu giá thì họ phải bấm vào nút “Chấp nhận”. Trường hợp người trả giá liền kề đó không bấm “Chấp nhận” hoặc không thao tác trên hệ thống. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi email tới người đó. Nếu người đó bấm vào đường liên kết “chấp nhận mua tài sản đấu giá” đính kèm email trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc thời gian trả giá, thì người đó sẽ là Người trúng đấu giá. Biên bản đấu giá và các tài liệu khác sẽ được gửi cho Người trúng đấu giá với giá liền kề. Nếu người trả giá liền kề không bấm vào đường liên kết “chấp nhận mua tài sản đấu giá” đính kèm email trong thời gian quy định trên thì coi như là không chấp nhận mua tài sản đấu giá.

3. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì phiên đấu giá không thành. Người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá sẽ không bị mất tiền đặt trước.

Điều 18. Thời gian, địa điểm, phương thức thanh toán tiền mua tài sản, giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, bàn giao tài sản

1. Thời gian, phương thức thanh toán tiền mua tài sản:

a) Người mua được tài sản phải thanh toán 100% giá trị giá trúng đấu giá sau khi trừ đi khoản tiền đặt cọc (là khoản tiền đặt trước chuyển thành) cho bên có tài sản trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày hợp đồng mua bán có hiệu lực vào tài khoản của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (Thông tin về tài khoản của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam sẽ được ghi rõ trong Hợp đồng mua bán);

b) Quá thời hạn trên không thanh toán, xem như khách hàng từ chối mua tài sản và mất khoản tiền đặt trước, khoản tiền này theo quy định người có tài sản được hưởng.

2. Giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá

a) Kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;



b) Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024 hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phiên đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 06 năm 2024 thì Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

e) Trường hợp quá thời hạn ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà người trúng đấu giá không thực hiện nghĩa vụ ký kết hợp đồng mua bán tài sản với Tổng Công ty Điện lực Miền Nam thì xem như người trúng đấu giá từ chối mua tài sản và mất khoản tiền đặt trước (cọc), số tiền này thuộc về Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

f) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn, phương thức giao nhận tài sản cho người trúng giá:

a) **Thời hạn giao tài sản:** Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày khách hàng trúng giá trả đủ tiền mua tài sản;

b) **Phương thức giao tài sản:**

Trong vòng 02 ngày làm việc sau khi Tổng Công ty Điện lực Miền Nam nhận được đủ tiền bán tài sản do người trúng đấu giá thanh toán, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam sẽ bắt đầu giao tài sản và thực hiện lập phiếu xuất kho theo qui định. Người trúng đấu giá có trách nhiệm phải nhận toàn bộ tài sản đã trúng đấu giá trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Tổng Công ty Điện lực Miền Nam thông báo giao tài sản. Quá thời hạn 10 (mười) ngày mà Người trúng đấu giá không nhận hết tài sản thì phải thanh toán phí lưu kho cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam với mức phí là **20.000.000 đồng/ngày**.

Trường hợp Tổng Công ty Điện lực Miền Nam giao thiếu tài sản cho người trúng đấu giá thì Tổng Công ty Điện lực Miền Nam sẽ hoàn lại một khoản tiền tương ứng cho người trúng đấu giá như sau:

$$\text{Số tiền hoàn lại} = \frac{G_{\text{tdg}} \times \text{ĐG}_{\text{max(nCT)}} \times \text{SL}_{\text{TSthiếu}}}{G_{\text{max(nCT)}}}$$

Trong đó:

G_{tdg} : Tổng giá trị trúng đấu giá.

$\text{ĐG}_{\text{max(nCT)}}$: Đơn giá cao nhất của mặt hàng tương ứng trong các chứng thư thẩm định giá.

$\text{SL}_{\text{TSthiếu}}$: Số lượng mặt hàng tương ứng giao thiếu so với số lượng được đem ra đấu giá.

$G_{\max(nCT)}$: Tổng giá trị tất cả các mặt hàng đem ra đấu giá với đơn giá cao nhất theo các chứng thư thẩm định giá.

c) Địa điểm giao tài sản:

- Tổng Kho: Km 9 xa lộ Hà Nội, đường số 2, phường Thủ Đức, TP.HCM.
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam: 72 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP. HCM.
- Ban QLDAĐLMN: 16 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP.HCM
- Nhà máy Tân Phú Trung: Khu công nghiệp Tân Phú Trung, TP.HCM.

d) Việc giao nhận tài sản phải được lập thành biên bản có chữ ký của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và khách hàng mua được tài sản đấu giá. Kể từ thời điểm bàn giao người trúng đấu giá phải chịu trách nhiệm đối với tài sản mà mình đã nhận bàn giao.

Điều 19. Nghĩa vụ và quyền lợi của người mua được tài sản đấu giá

1. Nghĩa vụ của người mua được tài sản:

- a) Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và thanh toán tiền mua tài sản đấu giá đúng quy định;
- b) Cam kết đã tìm hiểu các thông tin về nguồn gốc pháp lý của tài sản, đã tham khảo hồ sơ của tài sản đấu giá và trực tiếp xem tài sản;
- c) Chịu mọi chi phí bốc dỡ vận chuyển tài sản sản ra khỏi nơi bàn giao và phải đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam;
- d) Trong quá trình giao nhận tài sản phải thực hiện đúng các quy định quản lý Tổng Công ty Điện lực Miền Nam;
- đ) Chịu các loại thuế chuyển quyền sở hữu, sử dụng, lệ phí và chi phí khác có liên quan đến tài sản đấu giá (nếu có);
- e) Được quy định tại các điều khoản khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyền của người mua được tài sản:

- a) Yêu cầu Tổng Công ty Điện lực Miền Nam ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và được Tổng Công ty Điện lực Miền Nam cung cấp giấy tờ về nguồn gốc tài sản, hóa đơn (nếu có);
- b) Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá theo quy định.

Điều 20. Xử lý các vấn đề phát sinh trong phiên đấu giá của đấu giá viên

1. Đấu giá viên trực tiếp điều hành phiên đấu giá có các quyền sau:

- a) Truất quyền tham dự phiên đấu giá của người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- b) Dừng phiên đấu giá khi phát hiện có hành vi thông đồng, dìm giá hoặc gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá và thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản;
- c) Dừng phiên đấu giá khi phát hiện người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm nội quy phòng đấu giá hoặc các phạm vi khác làm ảnh hưởng đến tính trung thực của kết quả đấu giá.

2. Việc xử lý các vấn đề phát sinh ngoài các quy định trên trong phiên đấu giá do người điều hành đấu giá quyết định (sau khi đã tham khảo ý kiến của người có tài sản).

Điều 21. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo các quy định tại Quy chế này. Các vấn đề trong quy chế không quy định thì tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo quy định tại Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/ 2016 của Quốc hội về việc đấu giá tài sản và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Quy chế cuộc đấu giá đã được niêm yết, công khai theo quy định của pháp luật. Mọi đối tượng tham gia đấu giá có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại bản Quy chế này.

Nơi niêm yết, công khai:

- Trụ sở Công ty;
- Nơi tổ chức phiên đấu giá;
- Cổng đấu giá tài sản quốc gia;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu VP – HS.

Tổng giám đốc



Đấu giá viên. **Nguyễn Chí Hiếu**

Người đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia phiên đấu giá đã được đọc, được giải thích, hiểu rõ, đã đồng ý nhất trí và cam kết chịu trách nhiệm thực hiện những điều khoản quy định tại Quy chế này, Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024 và các quy định khác của pháp luật.

LÔ 1:

**VẬT TƯ THIẾT BỊ KHÔNG CÓ CHẤT THẢI NGUY HẠI
GỒM CÓ PHỤ LỤC 1, PHỤ LỤC 2, PHỤ LỤC 8 A**

Kh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH LÝ KHO 261, 269

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
Kho: L11 - NG_LJ1_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 261						
Danh mục đề nghị thanh lý:						
1	3.80.42.000.000.00.D10	Cáp tín hiệu các loại	Kg	115.00	không sử dụng được	
2	3.80.42.111.000.00.D10	Cáp quang treo 12 sợi	Mét	133.00	Không sử dụng được do quá ngắn, đề nghị thanh lý.	
3	3.80.42.112.000.00.D10	Cáp quang treo 24 sợi	Mét	218.00	Không sử dụng được do quá ngắn, đề nghị thanh lý.	
4	3.15.28.070.000.00.D10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm ²	Kg	42.00	Không sử dụng được	
5	3.15.42.036.000.00.D10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm ²	Kg	95.00	Không sử dụng được	
6	3.15.58.268.000.00.D10	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x4 mm ²	Kg	22.00	Không sử dụng được	
7	3.15.58.919.000.00.D10	Cáp đồng bọc 20x0,6mm ²	Kg	5.00	Không sử dụng được	
8	3.20.70.200.000.00.E10	Annour rod	Kg	25.00	không sử dụng được	
9	3.80.42.000.000.00.E10	Cáp tín hiệu các loại	Kg	6.00	không sử dụng được	
10	3.15.28.050.VIE.00.E10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm ²	Kg	13.00	Không sử dụng được	
11	3.15.28.149.VIE.00.E10	Cáp nhôm trần lõi thép AC 150/19mm ²	Kg	15.00	Không sử dụng được	
12	3.15.42.026.000.00.E10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm ²	Kg	6.00	Không sử dụng được	
13	3.15.42.051.000.00.E10	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm ²	Kg	5.00	Không sử dụng được	
14	3.15.56.099.000.00.E10	Cáp đồng bọc 10x0,6mm ²	Kg	4.00	Không sử dụng được	
15	3.15.56.217.000.00.E10	Cáp nhự thứ 2x1,5mm ²	Kg	5.00	Không sử dụng được	
16	3.15.56.406.000.00.E10	Cáp nhự thứ 4x4mm ²	Kg	5.00	Không sử dụng được	
17	3.15.58.302.000.00.E10	Cáp Cu/PVC/PVC 3x2,5mm ²	Kg	12.00	Không sử dụng được	
18	3.15.58.417.000.00.E10	Cáp Cu/PVC/PVC 3x6 mm ²	Kg	4.00	Không sử dụng được	
19	3.15.58.418.000.00.E10	Cáp Cu/PVC/PVC 3x10 mm ²	Kg	27.00	Không sử dụng được	
20	3.15.58.712.000.00.E10	Cáp đồng bọc CVV 7x1,5mm ²	Kg	4.00	Không sử dụng được	
21	3.15.58.728.000.00.E10	Cáp Cu/PVC/PVC 7x4mm ²	Kg	8.00	Không sử dụng được	
22	3.20.23.470.000.00.A80	Kẹp đỡ cáp LV - ABC tự treo 4X70 mm ²	Cái	6.00	không sử dụng được	
23	3.20.94.835.000.00.A80	NẮP BJT ĐẦU CÁP ABC 4X70MM ²	Cái	4.00	không sử dụng được	
24	3.20.94.836.000.00.A80	NỐI CÁP BỌC CÁCH ĐIỆN 95-95	Cái	4.00	không sử dụng được	
25	3.42.24.601.IND.00.A80	LBS 24KV SFL-S	Bộ	2.00	không sử dụng được	
26	3.80.22.800.CHN.00.A80	Cáp thông tin (feeder impedance)	Mét	30.00	không sử dụng được	
Kho: L15 - NG_LJ5_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 269						
Danh mục đề nghị thanh lý:						
1	3.15.58.162.000.00.000	CU/XLPE/PVC 24KV 1X300MM ²	Mét	311.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, trừc lớp cao su : 10,47,8,19,10, 30,39, 45,40,26,14,23m	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
2	3.15.82.530.VIE.00.000	Cáp ngầm 24kV-LX300mm2	Mét	275.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, tróc lớp cao su : 9,86,45,16,22,25,3,30,33,6m	
3	3.25.96.003.VIE.00.000	Cáp ngầm 1P 24kV ruột đồng, móng chấn đồng, không bọc giáp CXV(CRV)-S 1x300mm2	Mét	313.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, tróc lớp cao su: 10,25,4,12,10,5,15,20,10,12,14,18,7,10,18,15,13,27,10,58m	
4	3.25.32.150.000.00.000	Cáp ngầm 1x500mm	Mét	587.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc: 70,57,79,5,52,2,44,61,6,51,36,54,59,14,12m	
5	3.15.82.590.000.00.000	Cáp CU/XLPE/PVC 24kV 1Cx500MM2	Mét	175.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, tróc lớp cao su: 18,56,44,60m	
6	3.15.82.590.000.00.A80	Cáp CU/XLPE/PVC 24kV 1Cx500MM2	Mét	611.50	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc: 15,20,64,10,5,6,15,31,20,25,26,9,12,37,2,30,19,27,25,18,150,20,20,5m	
7	3.15.86.035.VIE.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 24kV 3Cx35mm2	Mét	15.00	Một đoạn 15m	
8	3.15.86.035.VIE.00.A80	Cáp Cu/XLPE/PVC 24kV 3Cx35mm2	Mét	138.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc: 115,23m	
9	3.15.86.035.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 24kV 3Cx35mm2	Mét	241.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn vỏ cáp bị tróc: 86,26,26,25,26,47,5m	
10	3.15.20.120.VIE.00.A80	24kV XLPE copper cable 1Cx120mm2	Mét	65.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	
11	3.15.27.243.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép 70/11mm2	Kg	16.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
12	3.15.28.095.000.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95/16mm2	Kg	105.92	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
13	3.15.28.121.000.00.000	Cáp nhôm lõi thép ACSR 700/86	Mét	13.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
14	3.15.28.149.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 150/19mm2	Kg	80.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
15	3.15.28.150.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 150/24 mm2	Kg	65.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
16	3.15.28.401.000.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép dây ACSR 400/51	Mét	69.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
17	3.15.28.410.000.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 410/51mm2	Kg	37.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
18	3.15.28.411.000.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 410/51mm2	Mét	9.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
19	3.15.28.835.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50/8mm2	Kg	12.05	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
20	3.15.28.840.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35/6,2	Kg	38.60	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
21	3.15.33.021.000.00.000	Cáp nhôm hợp kim AAAC 180	Kg	1.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
22	3.15.33.050.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép bọc mỡ ACKP 50/8mm2	Kg	42.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
23	3.15.33.070.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép bọc mỡ ACKP 70/11mm2	Kg	30.61	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
24	3.15.33.184.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép bọc mỡ ACKP 185/24mm2	Kg	29.70	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn.	
25	3.15.42.011.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hợp thể CV 11mm2	Mét	31.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	
26	3.15.42.035.000.00.000	Cáp đồng bọc hợp thể CV 35mm2	Mét	28.56	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	
27	3.15.42.035.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hợp thể CV 35mm2	Mét	12.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	
28	3.15.42.120.VIE.00.000	Cáp đồng bọc hợp thể CV 120mm2	Mét	7.50	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	
29	3.15.44.210.VIE.00.000	Cáp duplex DuCV 2x10mm2	Mét	22.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vỏ	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
30	3.15.46.027.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 3x16+1x10 mm ² -0.6/1kV	Mét	35.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
31	3.15.50.005.VIE.00.A80	Cáp CU/PVC/PVC-S 4X2,5MM ²	Mét	48.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
32	3.15.50.246.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 3x10 + 1x6 mm ² - 0.6/1kV	Mét	20.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
33	3.15.52.350.VIE.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 3X95+1X50mm ² -0.6/1kV	Mét	27.50	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
34	3.15.52.370.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 3x95+1x70mm ² - 0.6/1kV	Mét	42.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
35	3.15.53.210.VIE.00.000	Cáp điện kế - Muller (AVV) 2x10mm ²	Mét	11.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
36	3.15.54.206.VIE.00.A80	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm ²	Mét	56.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
37	3.15.56.721.VIE.00.000	Cáp điều khiển (CVV-Sc) 20x1.5mm ² -0.6/1kV	Mét	10.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
38	3.15.56.727.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 1x10mm ² -0.6/1kV	Mét	20.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
39	3.15.56.737.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 3x6mm ² - 0.6/1kV	Mét	17.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
40	3.15.56.738.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC-S 10x1.5mm ² -0.6/1kV	Mét	38.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
41	3.15.56.744.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 4x6mm ² - 0.6/1kV	Mét	25.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
42	3.15.56.748.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 3x2.5mm ² -0.6/1kV	Mét	26.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
43	3.15.56.826.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 2x2.5mm ²	Mét	6.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
44	3.15.58.008.VIE.00.A80	CU/PVC/PVC-S 7X2,5MM ²	Mét	5.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
45	3.15.58.027.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC 4x6	Mét	46.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
46	3.15.58.214.VIE.00.A80	Cu/PVC/PVC - S 14x2.5mm ²	Mét	29.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
47	3.15.58.215.VIE.00.A80	Cable 6P x 2x0.5	Mét	80.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
48	3.15.58.225.VIE.00.A80	Cu/PVC/PVC - S-24x2.5sqmm	Mét	51.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
49	3.15.58.265.VIE.00.000	Cáp đồng bọc mềm CVV 4x2.5mm ²	Mét	28.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
50	3.15.58.270.VIE.00.000	Cáp đồng bọc mềm CVV/Sc 4x1.5 mm ²	Mét	19.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
51	3.15.58.615.VIE.00.000	Cáp đồng bọc mềm CVV/Sc 6x1.5 mm ²	Mét	90.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
52	3.15.58.843.VIE.00.A80	Cu/PVC/SWA/PVC-S 14x2.5mm ² -0.6/1kV	Mét	50.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
53	3.15.60.050.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm ²	Mét	49.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
54	3.15.60.095.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm ²	Mét	2.30	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
55	3.15.74.250.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 2x50mm ²	Mét	443.30	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
56	3.15.74.270.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 2x70mm ²	Mét	127.20	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
57	3.15.74.350.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 3x50mm ²	Mét	136.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
58	3.15.74.370.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1KV 3x70mm ²	Mét	52.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
59	3.15.74.395.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1KV 3x95mm ²	Mét	78.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
60	3.15.74.450.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x50mm ²	Mét	28.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
61	3.15.74.470.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm ²	Mét	49.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
62	3.15.74.495.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm ²	Mét	25.90	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	
63	3.15.82.156.VIE.00.000	Cáp CU/XLPE/PVC 24kV 150mm ²	Mét	12.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cáp bị tróc, hư vò	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
64	3.15.82.520.VIE.00.000	Cáp Cu/XLPE 24kV 70mm ²	Mét	9.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
65	3.15.82.570.000.00.000	Cáp ngầm 1P 24kV ruột đồng, màng chắn đồng, không bọc giáp CXV(CRV)-S 1x150 mm ²	Mét	40.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
66	3.15.82.586.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 24KV 240MM ²	Mét	47.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
67	3.15.84.035.VIE.00.A80	CU/PVC/PVC 2X2.5MM ²	Mét	15.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
68	3.15.84.050.000.00.000	Cáp ngầm hạ thế CXV 4x50mm ² -0.6KV	Mét	40.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
69	3.15.84.070.VIE.00.A80	Cáp Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV 2x70mm ²	Mét	52.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
70	3.15.84.424.VIE.00.A80	Cáp đồng bọc 0.6/1kV 2x4mm ²	Mét	28.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
71	3.15.86.116.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC (3x25+1x16)mm ² -0.6/1kV	Mét	11.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
72	3.15.86.150.000.00.000	Cáp Ngầm 24kv 3x150 mm ²	Mét	36.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
73	3.15.86.240.000.00.000	Cáp ngầm 24kV CXV(CRV) 3x240 mm ²	Kg	70.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
74	3.15.88.050.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/12.7/22(24)kV 50mm ²	Mét	33.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
75	3.15.88.400.000.00.000	24KV XLPE/PVC cooper cable 1x400	Mét	64.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
76	3.15.88.409.000.00.000	Cáp đồng bọc 2X22mm ²	Mét	40.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
77	3.15.88.417.000.00.000	Cáp CV 1x2.5mm ²	Mét	50.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
78	3.15.88.418.000.00.000	Cáp CV 2 x 2.5mm ²	Mét	3.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
79	3.15.88.420.000.00.000	Cáp Cu/PVC/PVC/DSTA/PVC (3x240+1x150)mm ²	Mét	31.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
80	3.15.96.070.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 70mm ²	Mét	39.70	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
81	3.15.96.120.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 120mm ²	Mét	25.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
82	3.15.96.240.000.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm ²	Mét	38.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
83	3.15.96.240.VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm ²	Mét	14.10	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
84	3.25.32.112.VIE.00.000	Cáp ngầm 24kV Cu/XLPE/PVC 120mm ²	Mét	12.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
85	3.25.32.116.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 3x38+1x22 mm ²	Mét	50.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
86	3.25.96.002.000.00.000	Cáp ngầm 24kV 1x400mm ²	Mét	80.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
87	3.25.96.004.000.00.000	Cáp ngầm 24kV 1x120mm ²	Mét	14.00	Gồm nhiều đoạn lẻ vụn, vỏ cấp bị tróc, hư vỡ	
TỔNG CỘNG:						

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH LÝ KHO 262, 283, 264

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
Kho: LJ2 - NG_LJ2_Hệ thống kho Tăng công ty - kho 262						
1	3.56.60.121.000.00.E10	Biến điện áp (TU) 8400-12000/120V	Cái	45.00	Cũ kém phẩm chất.	
2	3.56.60.024.VIE.00.E10	Biến điện áp (TU) 1P 12000/120V 15VA epoxy vacuum	Cái	32.00	Cũ kém phẩm chất.	
3	3.10.88.595.RUS.00.000	Sứ treo sừng nâu P70BLX	Cái	2,662.00	Lạc hậu kỹ thuật	
4	3.20.12.540.USA.00.000	TAP CONNECTOR XHO 100	Cái	18,818.00	Lạc hậu kỹ thuật	
5	3.20.12.554.USA.00.000	NÓI ÉP RỀ AL 3/0 6	Cái	36,890.00	Lạc hậu kỹ thuật	
6	3.53.75.782.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 300-600-800/1-1A	Cái	24.00	Cũ kém phẩm chất.	
7	3.53.75.705.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 50-250/5.5A	Cái	25.00	Cũ kém phẩm chất.	
8	3.30.14.757.VIE.00.000	JEU CUIVRERIE PR CC 5/A	Cái	2,500.00	Lạc hậu kỹ thuật	
9	3.53.65.728.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 5-10/5A 15VA	Cái	23.00	Cũ kém phẩm chất.	
10	3.42.05.376.USA.00.000	Dao cách ly (DS) 69KV-2000A-1P	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật 69kV	
11	3.42.95.000.SWE.00.000	DISCONNECTOR XP 10B	Cái	1,100.00	Lạc hậu kỹ thuật	
12	3.53.65.766.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 100-200/5A 15VA	Cái	18.00	Cũ kém phẩm chất.	
13	3.20.80.900.000.00.E10	Đầu cosse MBA	Cái	750.00	Hư hỏng	
14	3.53.75.910.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 1000-2000/1.1.1A	Cái	15.00	Cũ kém phẩm chất.	
15	3.53.75.710.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 100-200/5 30VA	Cái	17.00	Cũ kém phẩm chất.	
16	2.42.01.000.000.00.E10	Sắt phế liệu	Kg	1,700.00	Không sử dụng	
17	3.53.65.654.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24 KV 20-40/5A-10VA	Cái	16.00	Cũ kém phẩm chất.	
18	3.53.65.731.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 15VA epoxy vacuum	Cái	15.00	Cũ kém phẩm chất.	
19	4.90.80.990.000.00.E10	Nắp chụp sứ các loại	Cái	1,740.00	Lạc hậu kỹ thuật	
20	3.53.65.568.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A 15VA	Cái	13.00	Cũ kém phẩm chất.	
21	3.42.10.368.JPN.00.000	Dao cách ly (DS) 36KV 600A 3P	Độ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
22	5.40.00.050.000.00.E10	Bánh xe MBT	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
23	3.56.60.018.VIE.00.G10	Biến thế đo lường từ trung thế	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
24	3.53.65.773.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A - 15VA	Cái	9.00	Cũ kém phẩm chất.	
25	3.10.88.596.RUS.00.000	Sứ treo sừng nâu P160LX	Cái	360.00	Lạc hậu kỹ thuật	
26	3.20.74.830.000.00.E10	Đế chằng	Cái	50.00	Hư cũ không sử dụng	
27	3.53.75.915.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 1000-2000/5.5.5A	Cái	6.00	Cũ kém phẩm chất.	
28	5.40.00.051.000.00.E10	Bánh xe MBT	Bộ	200.00	Lạc hậu kỹ thuật	
29	3.20.60.806.CHN.00.000	KHÓA ĐÓ XCU-3	Cái	171.00	Lạc hậu kỹ thuật	
30	3.53.75.718.VIE.00.000	TI 35KV 200-400/5A 15VA	Cái	6.00	Cũ kém phẩm chất.	
31	3.20.22.056.000.00.000	Kẹp W 40A	Cái	400.00	Lạc hậu kỹ thuật	
32	3.53.65.757.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A 15VA	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
33	3.53.75.659.VIE.00.000	TI 35KV 20-40 /5A NII/M	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
34	3.53.65.005.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 5-10/5A epoxy vacuum	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
35	3.20.94.439.000.00.000	Khóa néo chống sét	Cái	460.00	Lạc hậu kỹ thuật	
36	3.20.80.003.000.00.F00	ĐẦU COSSE TI TRUNG THẾ	Cái	193.00	Không phù hợp với thiết bị hiện nay	
37	3.20.60.818.CHN.00.000	KHÓA ĐÓ DÂY XGU3	Cái	130.00	Lạc hậu kỹ thuật	
38	5.40.00.057.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-130	Cái	45.00	Lạc hậu kỹ thuật	
39	3.20.05.991.000.00.F00	Ông nối ép E 250	Cái	95.00	Hư cũ không sử dụng	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
40	3.56.60.012.VIE.00.E10	Biến điện áp (TU) 35000/120V 30VA N/MAN	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
41	3.30.22.650.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 35KV 100A	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật 35kV	
42	3.56.60.102.000.00.E10	TU 24kV, 15000/V3 - 22000/V3 / 110/V3V	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
43	3.53.60.660.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 600-1200/I-1-1A	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
44	3.53.65.658.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
45	3.53.65.747.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 25-50/5A 15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
46	3.53.65.561.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A NHMAN	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
47	3.53.65.738.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 15-30/5A -15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
48	3.20.60.128.000.00.F00	Khoá néo áp dây ACSR 795 MCM + mã lẻ	Cái	16.00	Hư cũ không sử dụng	
49	3.53.65.786.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 300-600/5A 15VA	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
50	5.50.05.011.000.00.D10	Hộp cầu dao	Cái	17.00	Lạc hậu kỹ thuật	
51	3.10.92.024.VIE.00.000	Ty sứ đứng 24KV	Cái	103.00	Lạc hậu kỹ thuật	
52	3.53.05.000.000.00.D10	Biến dòng điện (CT) họ thế các loại	Cái	37.00	Hàng cũ không đồng bộ, nhiều loại.	
53	3.53.65.777.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 200-400/5A 15VA	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
54	3.20.70.996.USA.00.000	BUS SUP/CLAMP 1 90-D	Cái	4.00	Lạc hậu kỹ thuật	
55	1.20.60.797.VIE.00.000	KHÓA ĐÓ DÂY	Cái	96.00	Lạc hậu kỹ thuật	
56	3.66.30.003.000.00.F00	Tăng phô (ballast) bóng đèn huỳnh quang	Cái	254.00	Lạc hậu công nghệ	
57	5.40.00.056.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-100	Cái	35.00	Lạc hậu kỹ thuật	
58	3.20.80.005.000.00.F00	ĐÁU COSSE TU TRUNG THỂ	Cái	64.00	Không phù hợp với thiết bị hiện nay	
59	3.53.12.099.FRA.00.000	Biến dòng điện (CT) 5/10A-10/5A 500V	Cái	27.00	Kém mắt phẩm chất	
60	3.38.95.900.000.00.E10	Cầu dao đi động 3 pha 7200V-500A	Cái	1.00	Kém phẩm chất	
61	3.20.53.154.USA.00.000	FELLING R/TEE CONNECTOR	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
62	3.60.55.200.USA.00.000	DISCHARGE COUNTER	Cái	10.00	Cũ kém phẩm chất.	
63	3.20.74.915.000.00.F00	Thanh tiếp chằng lệch trụ bê tông	Cái	35.00	Hư cũ không sử dụng	
64	3.53.60.910.000.00.000	TI24KV 300-600/I-1A9TIIB	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
65	8.71.82.427.USA.00.000	DRAINAGE REACTOR 600V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
66	3.20.60.912.000.00.000	KHÓA NÉO N1-912	Cái	35.00	Lạc hậu kỹ thuật	
67	3.20.70.998.USA.00.000	BUS/SUP/CLAMP 2 875 OD	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
68	3.10.92.215.VIE.00.000	Chân sứ đỉnh công 24Kv	Cái	31.00	Lạc hậu kỹ thuật	
69	3.53.65.711.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 75-150/5A 10VA	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
70	3.53.60.306.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A	Cái	1.00	Hàng kém phẩm chất.	
71	3.53.75.660.VIE.00.000	TI 35KV 25-50/5A	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
72	3.53.65.001.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24kV 2.5-5/5A	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
73	3.20.45.929.VIE.00.000	MẮC NÓI ĐẶC BIỆT YC-7-16	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
74	3.20.65.008.USA.00.000	BALL EYE	Cái	89.00	Lạc hậu kỹ thuật	
75	4.38.00.043.000.00.E10	Bu lông 14x60	Cái	680.00	Kém phẩm chất	
76	3.42.10.412.USA.00.000	CS 23KV 200A 3P	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
77	8.90.10.976.000.00.F00	Bộ tiếp địa lưu động trung thể	Bộ	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
78	3.42.78.385.USA.00.000	LA 380/500V SECONDARY	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
79	3.20.60.240.000.00.F00	Khoá đóng dây dẫn AC 240mm2	Cái	11.00	Hư cũ không sử dụng	
80	3.20.94.445.RUS.00.000	Thiết bị đệm sứ có PP/T	Cái	83.00	Lạc hậu kỹ thuật 10kV	
81	3.25.70.900.000.00.E10	Đầu cấp nguồn trung thể các loại	Cái	4.00	không thể sử dụng được	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
82	3.30.22.427.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 15KV 100A NO FUSE	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
83	3.10.92.024.000.00.F00	Ty sứ đứng 24KV	Cái	18.00	Lạc hậu kỹ thuật	
84	3.42.80.039.POL.00.000	THU LÔI 39KV G 3 SB39/10	Cái	18.00	Không sử dụng được 15kV	
85	3.20.53.401.000.00.000	Connector 4500-20.3	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
86	5.40.00.055.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-80	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
87	3.53.05.508.VIE.00.000	Biến dòng hạ thế 50/5A	Cái	187.00	Cũ nát phẩm chất, sản xuất 1990	
88	3.20.70.122.VIE.00.A80	CHUỐI PHỤ KIỆN ĐỒ DCS	Bộ	46.00	Lạc hậu kỹ thuật	
89	8.90.20.266.000.00.F00	Saddle wiratong M474010 Hotline	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
90	3.53.05.817.000.00.E10	Biến dòng điện (CT) TCB 85.100 1000/5A 10VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất	
91	8.71.82.505.000.00.E10	Hộp điện Cur 9926351	Cái	6.00	hư hỏng	
92	3.42.26.801.000.00.F00	LTD 36KV 800A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật 36kV	
93	3.53.05.384.VIE.00.000	Biến dòng hạ thế 75/5A CLL	Cái	6.00	Hàng cũ không đồng bộ.	
94	3.50.90.054.000.00.F00	Coil fuse.RA250V	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
95	3.30.88.100.000.00.F00	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 13/27kV-100A porcelain	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
96	3.20.53.436.USA.00.000	CONNECTOR 2,5 IPS4 250	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
97	3.20.74.845.VIE.00.000	CỌC ĐẮT 2,1M	Cái	7.00	Hư cũ không sử dụng.	
98	3.20.53.060.USA.00.000	KẸP MÁC RÊ DÂY NÓNG 2/0	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
99	8.34.34.004.000.00.E10	Puly	Cái	1.00	Hư hỏng	
100	3.53.05.074.000.00.F00	Biến dòng điện (CT) 600V 75/5A 5VA CCX 0.5	Cái	5.00	Hàng cũ không đồng bộ.	
101	5.50.10.012.USA.00.000	COND TRIP EQUIP CA5A	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
102	3.53.35.610.USA.00.000	CT 13,8KV 300/5A 60HZ OD	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
103	3.30.22.424.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 15KV 100A OPEN TYPE	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
104	3.10.08.004.000.00.D10	Sứ ống chì	Cái	80.00	Không sử dụng	
105	5.50.10.278.USA.00.000	CUỘN ĐỒNG MC SF6 24KV	Cái	3.00	hư hỏng	
106	3.20.94.016.USA.00.000	DIEL 316	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
107	3.50.01.391.000.00.E10	Relay điện áp 115V-5A	Cái	3.00	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
108	8.25.43.099.000.00.F00	Ngăn ép dây	Cái	89.00	Lạc hậu kỹ thuật	
109	3.53.12.383.FRA.00.000	TI LQS 1 TK 4-5-2KV	Cái	4.00	Cũ nát phẩm chất, sản xuất 1987.	
110	3.20.53.036.USA.00.000	T CON CU 190D 1.90 DTAP	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
111	3.10.92.213.VIE.00.000	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
112	3.10.86.024.VIE.00.000	Sứ đứng 24kV	Cái	124.00	Lạc hậu kỹ thuật	
113	3.10.10.124.000.00.F00	Sứ máy cắt 24 KV	Cái	1.00	Sứ máy cắt đầu của Liên Xô cũ	
114	3.10.75.205.USA.00.000	SỨ CẦU DAO 15KV	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
115	3.10.88.022.RUS.00.A80	Sứ gốm 70kN	Cái	9.00	Lạc hậu kỹ thuật	
116	3.10.55.024.USA.00.A80	Sứ đỡ 24KV	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
117	5.50.10.277.000.00.000	Cuộn cắt MC SF6 24KV	Cái	2.00	hư hỏng	
118	3.10.86.700.VIE.00.000	70KN SỨ ĐỖ DÂY 95, 120	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
119	3.53.35.578.USA.00.000	CT 13,8KV 150/5A 60HZ OD	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
120	5.50.10.060.USA.00.000	LỖ XO CĂNG ĐỘNG CƠ	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
121	3.42.76.416.USA.00.000	FUSE 3A W&B/ANH	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
122	3.42.76.418.USA.00.000	FUSE 10A W&B/ANH	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
123	3.20.53.037.USA.00.000	T CON AL 397 397 TAP	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	

Handwritten signature

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
124	3.53.05.205.000.00.D10	Biến dòng hồ 200/5A	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
125	3.56.60.118.000.00.E10	Biến điện áp (TU) 8400/120V-75VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
126	3.20.74.001.000.00.F00	TẮNG ĐƠ	Cái	10.00	Hư cũ không sử dụng	
127	3.50.01.392.RUS.00.000	ROLE PH 55 200T 100/100V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
128	3.50.01.370.RUS.00.000	RELAIS DS 112/TH 220V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
129	3.20.94.608.USA.00.000	DIE L608	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
130	8.90.10.053.000.00.F00	Móc tiếp địa lưu động hotline	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
131	3.20.45.923.VIE.00.000	MẮC NỐI LẮP RÁP P-TM16-3	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
132	3.42.80.097.USA.00.000	OB TYPE OA 12	Cái	5.00	Không sử dụng được 12kV	
133	3.20.94.119.USA.00.000	DIEL 319	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
134	3.20.85.254.USA.00.000	COMPR/D/E TERN	Bộ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
135	5.50.05.317.FRA.00.000	CHAMBRE COUPURE DSSI50	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
136	8.90.10.920.000.00.F00	Sào tiếp đất trung thế 2m	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
137	3.60.05.001.000.00.D10	Điện kế các loại	Cái	39.00	Cũ kém phẩm chất.	
138	3.20.94.079.USA.00.000	DIEL 579	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
139	3.56.60.119.000.00.E10	Biến điện áp (TU) 8400/120V	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
140	3.20.60.817.VIE.00.000	KHÓA TH KK1 I	Cái	2.00	Không phù hợp loại dây dẫn lưới điện hiện nay	
141	3.20.84.491.USA.00.000	COSSE EN LAITON 33MM2	Cái	16.00	Lạc hậu kỹ thuật	
142	3.20.94.676.SWE.00.000	DIE U 253	Cái	11.00	Lạc hậu kỹ thuật	
143	5.20.00.128.000.00.F00	Đầu nối PY 6,4 MPA	Cái	10.00	Lạc hậu kỹ thuật	
144	3.42.76.905.GER.00.000	CLOSING COIL (110VDC)	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
145	3.20.94.662.USA.00.000	DIE U316 336,4 ACSR	Cái	20.00	Lạc hậu kỹ thuật	
146	8.71.82.502.000.00.E10	SANGAM IMF 100vDC	Cái	29.00	hư hỏng	
147	3.42.80.016.USA.00.000	Chống sét van (LA) 15KV-10KV	Cái	28.00	Không sử dụng được 15kV	
148	3.20.94.045.USA.00.000	DIEL 245	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
149	3.20.07.015.USA.00.000	ỐNG NỐI ÉP CU C.S.C25MM2	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
150	3.20.94.061.USA.00.000	DIEL 261	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
151	3.20.94.051.USA.00.000	DIE L 251	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
152	3.20.94.050.USA.00.000	DIEL 250	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
153	3.42.76.293.FRA.00.000	FINISH ACCESSORIES	Bộ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
154	3.50.90.055.000.00.F00	Relay KCEG 742822(Japan)	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
155	5.20.00.192.000.00.F00	Ống dẫn hơi thủy lực 10.0psi	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
156	3.42.80.932.USA.00.000	Chống sét van (LA) 9KV 10KA CLASS I	Bộ	17.00	Không sử dụng được 9kV	
157	3.20.94.150.USA.00.000	DIEL 350	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
158	3.20.94.120.USA.00.000	DIEL 320	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
159	3.46.55.419.RUS.00.000	Cổng tắc KCA 5 412 220/380V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
160	3.20.50.316.VIE.00.000	Móc treo chữ U-U1-6	Cái	5.00	Lạc hậu kỹ thuật	
161	8.90.20.268.000.00.F00	Chổi sắt 1899 hotline	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
162	3.20.31.471.USA.00.000	KẸP NỐI ỐNG DIAM/30	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
163	3.20.94.677.SWE.00.000	DIE U 255	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
164	3.30.20.080.000.00.E10	Cần chỉ ống 80A	Cái	13.00	Hư cũ	
165	8.71.82.501.000.00.E10	Alarm Relay 33W 220V	Cái	1.00	hư hỏng	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
166	3.62.90.190.USA.00.000	VAR/MTR 3F 4W 160/1+120/	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
167	3.42.76.309.USA.00.000	HV BIRD GUARDS CB 24KV	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
168	3.42.76.532.USA.00.000	VACUUM INT	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
169	8.71.82.503.000.00.E10	Noisy Tester	Cái	11.00	hư hỏng	
170	3.46.14.250.000.00.F00	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 250A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
171	8.71.82.500.000.00.E10	Timing: 125V Relay	Cái	1.00	hư hỏng	
172	4.90.80.996.000.00.F00	Chụp sứ polymer (có ty sắt)	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
173	3.42.80.015.USA.00.A80	Chống sét van (LA) 15KV DISTRIBUTION	Cái	8.00	Không sử dụng được 15kV	
174	3.42.80.318.USA.00.F00	LA 12KV Polymer CL1	Cái	7.00	Không sử dụng được 12kV	
175	3.10.96.762.VIE.00.000	70KN SỬ ĐỘ DÂY 50, 70	Cái	7.00	Lạc hậu kỹ thuật	
176	3.62.90.191.000.00.000	VAR/MTR 3F 4W 400/1+120/	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
177	3.42.80.114.USA.00.000	LA 12,7KV OHI	Bộ	6.00	Không sử dụng được 15kV	
178	3.42.76.306.USA.00.000	NUTS CB-24KV-630A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
179	5.50.10.254.USA.00.000	CUỘN CẮT MCSF6 24KVR184	Cái	4.00	Lạc hậu kỹ thuật	
180	5.50.10.257.USA.00.000	CUỘN CẮT MCSF6 24KVR281	Cái	4.00	hư hỏng	
181	1.61.56.200.000.00.000	Compound 200gr	Cái	2.00	Kiểm phẩm chất	
182	3.46.55.413.RUS.00.000	Cổng tắc tơ TGL 500V 10A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
183	3.46.55.414.RUS.00.000	Cổng tắc tơ 3N+1 60BT 110V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
184	3.42.80.010.000.00.E10	LA 15kV	Cái	4.00	Không sử dụng được	
185	3.46.55.417.RUS.00.000	Cổng tắc tơ N2 10H2 220V 6A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
186	3.20.94.561.USA.00.000	Ổng nối DIES W BG	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
187	3.20.94.570.USA.00.000	COMPRES/DIES U 360	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
188	3.20.94.571.USA.00.000	COMPRES/DIES U 60	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
189	3.46.55.410.RUS.00.000	Cổng tắc tơ NB2 220V 60A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
190	3.42.80.011.000.00.E10	LA 18kV	Cái	2.00	Không sử dụng được	
191	3.42.80.935.USA.00.000	Chống sét van (LA) 42KV 10KA CLASS 2	Bộ	2.00	Không sử dụng được 42kV	
192	3.42.76.307.USA.00.000	WASHER CB 24KV-630A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
193	3.20.94.666.USA.00.000	DIE U608 556,5 ACSR	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
194	3.50.43.008.000.00.F00	Relay CR50-50A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
195	3.42.80.127.USA.00.000	SURGE ARRESTER 12,7KV	Bộ	1.00	Không sử dụng được 12kV	
196	3.20.94.673.SWE.00.000	DIE U 350	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
197	4.90.80.424.000.00.F00	Nút vận E3810 AL	Cái	110.00	Lạc hậu kỹ thuật	
198	3.70.75.004.JPN.00.000	Băng keo cách điện trung thế 2 phân	Cuộn	20.00	Kiểm phẩm chất	
Khu: LJJ - NG_LJJ_Hệ thống lưu Tổng công ty - lưu 264						
1	5.38.00.472.USA.00.000	FUEL FILTER 8275432	Cái	1,951.00		
Khu: kho công ty DV Điện Lực miền nam.						
1	3.02.30.603.000.00.D10	Trụ nỏ cuối 01 mạch	Trụ		1 Hàng thu hồi.	
2	3.06.50.000.000.00.D10	Cổ đế các loại	Bộ	601	Hàng thu hồi.	
3	3.26.45.013.000.00.A80	Mắc nối trung gian NG-12	Cái	44	Hàng thu hồi.	
4	3.20.45.122.CHN.00.A80	Mắc nối điều chỉnh PT-12	Cái	38	Hàng thu hồi.	
5	3.20.45.169.000.00.A80	Vòng treo đầu tròn	Cái	374	Hàng thu hồi.	
6	3.20.45.307.CHN.00.A80	Mắc nối trung gian 70kN	Cái	16	Hàng thu hồi.	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
7	3.20.45.311.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng 7	Cái	10	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
8	3.20.45.313.000.00.D10	Mắc nối trung gian PD- 12	Cái	9	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
9	3.20.45.314.000.00.D10	Mắc nối trung gian P- 12	Cái	32	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
10	3.20.45.315.000.00.D10	Mắc nối trung gian PS- 12	Cái	440	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
11	3.20.45.316.000.00.D10	Mắc nối trung gian P- 16	Cái	56	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
12	3.20.45.322.000.00.D10	Mắc nối trung gian PH- 21	Cái	23	Hư hỏng	
13	3.20.45.333.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng BT- 12	Cái	7	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
14	3.20.45.336.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng Z- 16	Cái	7	Hư hỏng	
15	3.20.45.337.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng ZS- 16	Cái	54	Hư hỏng	
16	3.20.50.962.000.00.D10	Vòng treo đầu tròn QP-12	Cái	72	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
17	3.20.55.508.CHN.00.A80	TENSION CLAMP TK 50	Cái	2	Hàng thu hồi.	
18	3.20.60.187.VIE.00.D10	Khóa đồ dây 185mm	Cái	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
19	3.20.60.410.000.00.D10	Khóa đồ dây AC410 mm2	Cái	3	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
20	3.20.60.506.000.00.D10	Khóa đồ DCS	Cái	27	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
21	3.20.61.070.000.00.D10	Khóa néo ép DCS- TK 70	Cái	3	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
22	3.20.65.121.VIE.00.A80	Khánh 120kN	Cái	19	Hàng thu hồi.	
23	3.20.65.190.000.00.D10	Khánh tam giác đôi (L- 1220)	Cái	55	Hư hỏng	
24	3.20.65.193.000.00.D10	Khánh tam giác đôi L- 1240 (4 tầng)	Cái	8	Hư hỏng	
25	3.20.65.951.VIE.00.D10	Mắc nối kép	Cái	12	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
26	3.20.65.963.000.00.B10	Mắc nối chuyển hướng	Cái	88	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
27	3.20.94.301.000.00.D10	Amarod dây 300/39	Bộ	104	Hư hỏng	
28	3.20.94.438.000.00.D10	Khóa néo dây chống sét	Cái	5	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
29	3.30.20.010.000.00.D10	Chi ống 24kV 10A	Cái	11	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
30	3.30.20.012.000.00.D10	Chi ống 24kV-6A	Cái	5	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
31	3.30.20.063.000.00.D10	Cầu chì ống 24kV 6.3A	Cái	10	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
32	3.30.20.615.000.00.D10	Chi ống 24kV (55A)	Cái	3	Hư hỏng	
33	3.42.28.060.000.00.D10	Khớp nối ống truyền động DCL	Cái	2	Hư hỏng	
34	3.42.28.070.000.00.D10	Bass nối các loại	Cái	2	Hư hỏng	
35	3.42.28.611.000.00.D10	Lưới tiếp địa	Bộ	6	Hư hỏng	
36	3.42.80.351.000.00.D10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	2	Hư hỏng	
37	3.42.95.080.000.00.A80	BỘ ĐẾM SÉT	Bộ	15	Hàng thu hồi không sử dụng được	
38	3.50.03.018.000.00.D10	Relay bảo vệ quá dòng có hướng	Cái	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
39	3.80.88.016.VIE.00.A80	Khánh đơn	Cái	22	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
40	4.69.12.003.000.00.D10	Bulông móng 24x 750	Cái	409	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
41	5.50.10.070.000.00.D10	Ghế thao tác cho máy cắt	Cái	17	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
VẬT TƯ THU HỒI						
Vật tư thu hồi (Công trình sửa chữa nhà kho Tổng Kho)						
1		Cầu thống giỏ inox	bộ	176.00	Hư hỏng	
2		Tole lợp mái	m2	2,616.28	Hư hỏng	
3		Tole lợp mái	Lô	1.00	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi (Tháo dỡ văn phòng làm việc trong kho)						
4		Nhiệm phế liệu	Lô	1	Hư hỏng	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
5		Cửa nhôm	Lô	1	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi (Công trình sửa chữa văn phòng đường Bà Triệu)						
6		Cửa sắt (2530x2550mm)	Bộ	2	Hư hỏng	
7		Cửa sắt 2 cánh (1650x2200mm)	Bộ	6	Hư hỏng	
8		Cửa sắt 4 cánh (2530x2200mm)	Bộ	6	Hư hỏng	
9		Cửa sắt chỉnh (3800x2350mm)	Bộ	4	Hư hỏng	
10		Cửa sổ sắt (2330x1300mm)	Bộ	14	Hư hỏng	
11		Thép C dày 8mm dài 3m	Cây	56	Hư hỏng	
12		Thép hộp 25x50 dài 0,2m	Cây	175	Hư hỏng	
13		Thép hộp 40x40 dài 0,45m	Cây	120	Hư hỏng	
14		Thép hộp 50x100 dài 3m	Cây	59	Hư hỏng	
15		Thép 1200 dài 3,8m	Cây	10	Hư hỏng	
16		Thép U100 dài 2,7m	Cây	8	Hư hỏng	
17		Tole	m2	166	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi kho 262						
18		Hộp sắt 0,6x1 m	Cái	15	Lạc hậu kỹ thuật	
19		Hộp sắt 0,4x0,6 m	Cái	80	Lạc hậu kỹ thuật	
20		Phiếu liệu các loại	Kg	60	Hư hỏng	
21		Ống ép 95	Cái	1	Hư hỏng	
22		Ống ép 120	Cái	1	Hư hỏng	
23		Ống ép 150	Cái	1	Hư hỏng	
24		Ống ép 185	Cái	2	Hư hỏng	
25		Ống ép 240	Cái	1	Hư hỏng	
26		Tì nèo	Cái	134	Hư hỏng	
27		Đầu nối kẹp dây ACRS	Cái	70	Hư hỏng	
28		Bồn dầu	Cái	1	Hư hỏng	
29		Máy hàn	Cái	1	Hư hỏng	
30		Xe đẩy 8 bánh	Cái	5	Hư hỏng	
31		Xe đẩy 2 bánh	Cái	3	Hư hỏng	
32		Máy điện toán	Cái	1	Hư hỏng	
33		Dao cắt ly	Cái	1	Hư hỏng	
34		Bộ đánh lùn	Cái	1	Hư hỏng	
TỔNG CỘNG:						

Handwritten signature

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH LÝ KHO 262, 283, 264

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
Kho: LJ2 - NG_LJ2_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 262						
1	3.56.60.121.000.00.E10	Biến điện áp (TU).8400-12000/120V	Cái	45.00	Cũ kém phẩm chất.	
2	3.56.60.024.VIE.00.E10	Biến điện áp (TU) 1P 12000/120V 15VA epoxy vacuum	Cái	32.00	Cũ kém phẩm chất.	
3	3.10.88.595.RUS.00.000	Sứ treo sành nâu P70BLX	Cái	2,662.00	Lạc hậu kỹ thuật	
4	3.20.12.540.USA.00.000	TAP CONNECTOR XHO 100	Cái	18,818.00	Lạc hậu kỹ thuật	
5	3.20.12.554.USA.00.000	NÔI ÉP RẼ AL 3/0 6	Cái	36,890.00	Lạc hậu kỹ thuật	
6	3.53.75.782.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 300-600-800/1-1A	Cái	24.00	Cũ kém phẩm chất.	
7	3.53.75.705.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 50-250/5.5A	Cái	25.00	Cũ kém phẩm chất.	
8	3.30.14.757.VIE.00.000	JEU CUITVRERJE PR CC 5/A	Cái	2,500.00	Lạc hậu kỹ thuật	
9	3.53.65.728.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 5-10/5A 15VA	Cái	23.00	Cũ kém phẩm chất.	
10	3.42.05.376.USA.00.000	Dao cách ly (DS) 69KV-2000A-1P	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật 69kV	
11	3.42.95.000.SWE.00.000	DISCONNECTOR XP 10B	Cái	1,100.00	Lạc hậu kỹ thuật	
12	3.53.65.766.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 100-200/5A 15VA	Cái	18.00	Cũ kém phẩm chất.	
13	3.20.80.900.000.00.E10	Đầu cosse MBA	Cái	750.00	Hư hỏng	
14	3.53.75.910.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 1000-2000/L.I.LA	Cái	15.00	Cũ kém phẩm chất.	
15	3.53.75.710.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 100-200/5 30VA	Cái	17.00	Cũ kém phẩm chất.	
16	2.42.01.000.000.00.E10	Sắt phế liệu	Kg	1,700.00	Không sử dụng	
17	3.53.65.654.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24 KV 20-40/5A-10VA	Cái	16.00	Cũ kém phẩm chất.	
18	3.53.65.731.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 15VA epoxy vacuum	Cái	15.00	Cũ kém phẩm chất.	
19	4.90.80.990.000.00.E10	Nắp chụp sứ các loại	Cái	1,740.00	Lạc hậu kỹ thuật	
20	3.53.65.568.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A- 15VA	Cái	13.00	Cũ kém phẩm chất.	
21	3.42.10.368.JPN.00.000	Dao cách ly (DS) 36KV 600A 3P	Bộ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
22	5.40.00.050.000.00.E10	Bánh xe MBT	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
23	3.56.60.018.VIE.00.G10	Biến thế đo lường từ trung thế	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
24	3.53.65.773.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A - 15VA	Cái	9.00	Cũ kém phẩm chất.	
25	3.10.88.596.RUS.00.000	Sứ treo sành nâu P160LX	Cái	360.00	Lạc hậu kỹ thuật	
26	3.20.74.830.000.00.E10	Đế chằng	Cái	50.00	Hư cũ không sử dụng	
27	3.53.75.915.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 36kV 1000-2000/5.5.5A	Cái	6.00	Cũ kém phẩm chất.	
28	5.40.00.051.000.00.E10	Bánh xe MBT	Bộ	200.00	Lạc hậu kỹ thuật	
29	3.20.60.806.CHN.00.000	KHÓA ĐÓ XCU-3	Cái	171.00	Lạc hậu kỹ thuật	
30	3.53.75.718.VIE.00.000	TI 35KV 200-400/5A 15VA	Cái	6.00	Cũ kém phẩm chất.	
31	3.20.22.056.000.00.000	Kẹp W 40A	Cái	400.00	Lạc hậu kỹ thuật	
32	3.53.65.757.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A 15VA	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
33	3.53.75.659.VIE.00.000	TI 35KV 20-40 /5A NII/M	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
34	3.53.65.005.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 5-10/5A epoxy vacuum	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
35	3.20.94.439.000.00.000	Khoá neo chống sét	Cái	460.00	Lạc hậu kỹ thuật	
36	3.20.80.003.000.00.F00	ĐẦU COSSE TI TRUNG THẾ	Cái	193.00	Không phù hợp với thiết bị hiện nay	
37	3.20.60.818.CHN.00.000	KHÓA ĐÓ DÂY XGU3	Cái	130.00	Lạc hậu kỹ thuật	
38	5.40.00.057.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-130	Cái	45.00	Lạc hậu kỹ thuật	
39	3.20.05.991.000.00.F00	Ống nối ép E 250	Cái	95.00	Hư cũ không sử dụng	

STT	Mã VT	Tên VT	DVT	Số lượng	Trình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-5)	
40	3.56.60.012.VIE.00.E10	Biến điện áp (TU) 35000/120V 30VA N/MAN	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
41	3.30.22.650.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 35KV 100A	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật 35kV	
42	3.56.60.102.000.00.E10	TU 24kV, 15000/V3 - 22000/V3 / 110/V3V	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
43	3.53.60.660.000.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 600-1200/1-1-1A	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
44	3.53.65.658.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
45	3.53.65.747.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 25-50/5A 15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
46	3.53.65.561.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A N/MAN	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
47	3.53.65.738.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 15-30/5A -15VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
48	3.20.60.128.000.00.F00	Khoá neo ép dây ACSR 795 MCM + mã lèo	Cái	16.00	Hư cũ không sử dụng	
49	3.53.65.786.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24kV 300-600/5A 15VA	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
50	5.50.05.011.000.00.D10	Hộp cầu dao	Cái	17.00	Lạc hậu kỹ thuật	
51	3.10.92.024.VIE.00.000	Ty sứ đứng 24KV	Cái	103.00	Lạc hậu kỹ thuật	
52	3.53.05.000.000.00.D10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	37.00	Hàng cũ không đồng bộ, nhiều loại.	
53	3.53.65.777.VIE.00.E10	Biến dòng điện (TI) 24KV 200-400/5A 15VA	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
54	3.20.70.996.USA.00.000	BUS SUP/CLAMP 1 90 D	Cái	4.00	Lạc hậu kỹ thuật	
55	3.20.60.797.VIE.00.000	KHÓA ĐÓ DÂY	Cái	96.00	Lạc hậu kỹ thuật	
56	3.66.30.003.000.00.F00	Tăng phô (ballast) bóng đèn huỳnh quang	Cái	254.00	Lạc hậu công nghệ	
57	5.40.00.056.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-100	Cái	35.00	Lạc hậu kỹ thuật	
58	3.20.80.005.000.00.F00	ĐẦU COSSE TU TRUNG THỂ	Cái	64.00	Không phù hợp với thiết bị hiện nay	
59	3.53.12.099.FRA.00.000	Biến dòng điện (CT) 5/10A-10/5A 500V	Cái	27.00	Kém mắt phẩm chất	
60	3.38.95.900.000.00.E10	Cầu dao dĩ động 3 pha 7200V-500A	Cái	1.00	Kém phẩm chất	
61	3.20.53.154.USA.00.000	FELLING R/TEE CONNECTOR	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
62	3.60.55.200.USA.00.000	DISCHARGE COUNTER	Cái	10.00	Cũ kém phẩm chất.	
63	3.20.74.915.000.00.F00	Thanh lắp chỉnh lệch trụ bê tông	Cái	35.00	Hư cũ không sử dụng	
64	3.53.60.910.000.00.000	TI 24KV 300-600/1-1A9THB	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
65	8.71.82.427.USA.00.000	DRAINAGE REACTOR 600V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
66	3.20.60.912.000.00.000	KHÓA NEO NI-912	Cái	35.00	Lạc hậu kỹ thuật	
67	3.20.70.998.USA.00.000	BUS/SUP/CLAMP 2 875 OD	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
68	3.10.92.215.VIE.00.000	Chân sứ đỉnh cong 24Kv	Cái	31.00	Lạc hậu kỹ thuật	
69	3.53.65.711.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24kV 75-150/5A 10VA	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
70	3.53.60.306.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A	Cái	1.00	Hàng kém phẩm chất.	
71	3.53.75.660.VIE.00.000	TI 35KV 25-50/5A	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
72	3.53.65.001.VIE.00.G10	Biến dòng điện (TI) 24kV 2.5-5/5A	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
73	3.20.45.929.VIE.00.000	MẮC NỖI ĐẶC BIỆT YC-7-16	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
74	3.20.65.008.USA.00.000	BALL EYE	Cái	89.00	Lạc hậu kỹ thuật	
75	4.38.00.043.000.00.E10	Bu lông 14x60	Cái	680.00	Kém phẩm chất	
76	3.42.10.412.USA.00.000	CS 23KV 200A 3P	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
77	8.90.10.976.000.00.F00	Bộ tiếp điện lưu động trung thể	Bộ	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
78	3.42.78.385.USA.00.000	LA 380/500V SECONDARY	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
79	3.20.60.240.000.00.F00	Khoá đỡ dây dẫn AC 240mm2	Cái	11.00	Hư cũ không sử dụng	
80	3.20.94.445.RUS.00.000	Thiết bị đệm sứ có PPIT	Cái	83.00	Lạc hậu kỹ thuật 10kV	
81	3.25.70.900.000.00.E10	Đầu cáp ngầm trung thế các loại	Cái	4.00	không thể sử dụng được	

Handwritten signature

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
82	3.30.22.427.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 15KV 100A NO FUSE	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
83	3.10.92.024.000.00.F00	Ty sứ đóng 24KV	Cái	18.00	Lạc hậu kỹ thuật	
84	3.42.80.039.POL.00.000	THU LỖI 39KV G 3 SB39/10	Cái	18.00	Không sử dụng được 15kV	
85	3.20.53.401.000.00.000	Connector 4500-20.3	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
86	5.40.00.055.000.00.E10	Bánh xe MBT ĐK-80	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
87	3.53.05.508.VIE.00.000	Biến dòng hạ thế 50/5A	Cái	187.00	Cũ nát phẩm chất, sản xuất 1990.	
88	3.20.70.122.VIE.00.A80	CHUỖI PHỤ KIỆN ĐỒ DCS	Bộ	46.00	Lạc hậu kỹ thuật	
89	8.90.20.266.000.00.F00	Saddle wiretong M474010 Hotline	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
90	3.53.05.817.000.00.E10	Biến dòng điện (CT) TCB 85.100 1000/5A 10VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
91	8.71.82.505.000.00.E10	Hộp điện Cur 9926351	Cái	6.00	hư hỏng	
92	3.42.26.801.000.00.F00	LTD 36KV 800A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật 36kV	
93	3.53.05.384.VIE.00.000	Biến dòng hạ thế 75/5A CLL	Cái	6.00	Hàng cũ không đồng bộ.	
94	3.50.90.054.000.00.F00	Coil fuse.RA250V	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
95	3.30.88.100.000.00.F00	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27kV-100A porcelain	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
96	3.20.53.436.USA.00.000	CONNECTOR 2,5 IPS4 250	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
97	3.20.74.845.VIE.00.000	CỌC ĐẮT 2,1M	Cái	7.00	Hư cũ không sử dụng	
98	3.20.53.060.USA.00.000	KỆP MÁC RÊ DÂY NÓNG 2/0	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
99	8.34.34.004.000.00.E10	Puly	Cái	1.00	Hư hỏng	
100	3.53.05.074.000.00.F00	Biến dòng điện (CT) 600V 75/5A 5VA CCX 0,5	Cái	5.00	Hàng cũ không đồng bộ.	
101	5.50.10.012.USA.00.000	COND TRIP EQUIP CA5A	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
102	3.53.35.610.USA.00.000	CT 13,8KV 300/5A 60HZ OD	Cái	5.00	Cũ kém phẩm chất.	
103	3.30.22.424.VIE.00.000	Cầu chì tự rơi (FCO) 15KV 100A OPEN TYPE	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật 15kV	
104	3.10.08.004.000.00.D10	Sứ ống chì	Cái	80.00	Không sử dụng	
105	5.50.10.278.USA.00.000	CUỘN ĐÓNG MC SF6 24KV	Cái	3.00	hư hỏng	
106	3.20.94.016.USA.00.000	DIEL 316	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
107	3.50.01.391.000.00.E10	Relay điện áp 115V-5A	Cái	3.00	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
108	8.25.43.099.000.00.F00	Ngăn ép dây	Cái	89.00	Lạc hậu kỹ thuật	
109	3.53.12.383.FRA.00.000	TI LQS 1 TK 4-5-2KV	Cái	4.00	Cũ nát phẩm chất, sản xuất 1987.	
110	3.20.53.036.USA.00.000	T CON CU 190D 1.90 DTAP	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
111	3.10.92.213.VIE.00.000	Chấn sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
112	3.10.86.024.VIE.00.000	Sứ đóng 24kV	Cái	124.00	Lạc hậu kỹ thuật	
113	3.10.10.124.000.00.F00	Sứ máy cắt 24 KV	Cái	1.00	Sứ máy cắt đầu của Liên Xô cũ	
114	3.10.75.205.USA.00.000	SỨ CẦU DAO 15KV	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
115	3.10.88.022.RUS.00.A80	Sứ gốm 70kN	Cái	9.00	Lạc hậu kỹ thuật	
116	3.10.55.024.USA.00.A80	Sứ đỡ 24KV	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
117	5.50.10.277.000.00.000	Cuộn cắt MC SF6 24KV	Cái	2.00	hư hỏng	
118	3.10.86.700.VIE.00.000	70KN SỨ ĐỖ DÂY 95, 120	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
119	3.53.35.578.USA.00.000	CT 13,8KV 150/5A 60HZ OD	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
120	5.50.10.060.USA.00.000	LÒ XO CĂNG ĐỘNG CƠ	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
121	3.42.76.416.USA.00.000	FUSE 3A W&B/ANH	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
122	3.42.76.418.USA.00.000	FUSE 10A W&B/ANH	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
123	3.20.53.037.USA.00.000	T CON AL 397 397 TAP	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	

STT	Mã VT	Tên VT	DVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
124	3.53.05.205.000.00.D10	Biến dòng hồ 200/5A	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
125	3.56.60.118.000.00.E10	Điện điện áp (TU) 8400/120V-75VA	Cái	3.00	Cũ kém phẩm chất.	
126	3.20.74.001.000.00.F00	TẮNG ĐÓ	Cái	10.00	Hư cũ không sử dụng	
127	3.50.01.392.RUS.00.000	ROLE PH 55 200T 100/100V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
128	3.50.01.370.RUS.00.000	RELAIS DS 112/TH 220V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
129	3.20.94.608.USA.00.000	DIE 1608	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
130	8.90.10.053.000.00.F00	Móc tiếp điện lưu động hotline	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
131	3.20.45.923.VIE.00.000	MẮC NÓI LÁP RÁP P-TM16-3	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
132	3.42.80.097.USA.00.000	OB TYPE OA 12	Cái	3.00	Không sử dụng được 12kV	
133	3.20.94.119.USA.00.000	DIEL 319	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
134	3.20.85.254.USA.00.000	COMPR/D/E TERN	Bộ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
135	5.50.05.317.FRA.00.000	CHAMBRE COUPURE DSS150	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
136	8.90.10.920.000.00.F00	Sào tiếp đất trung thế 2m	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
137	3.60.05.001.000.00.D10	Điện kế các loại	Cái	39.00	Cũ kém phẩm chất.	
138	3.20.94.079.USA.00.000	DIEL 579	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
139	3.56.60.119.000.00.E10	Biến điện áp (TU) 8400/120V	Cái	1.00	Cũ kém phẩm chất.	
140	3.20.60.817.VIE.00.000	KHÓA TH KK1 I	Cái	2.00	Không phù hợp loại dây dẫn loại điện hiện nay	
141	3.20.84.491.USA.00.000	COSSE EN LAITON 33MM2	Cái	16.00	Lạc hậu kỹ thuật	
142	3.20.94.676.SWE.00.000	DIE U 253	Cái	11.00	Lạc hậu kỹ thuật	
143	5.20.00.128.000.00.F00	Đầu nối PY 6,4 MPA	Cái	10.00	Lạc hậu kỹ thuật	
144	3.42.76.905.GER.00.000	CLOSING COIL (110VDC)	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
145	3.20.94.662.USA.00.000	DIE U316 336,4 ACSR	Cái	20.00	Lạc hậu kỹ thuật	
146	8.71.82.502.000.00.E10	SANGAM IMF 100vDC	Cái	29.00	hư hỏng	
147	3.42.80.016.USA.00.000	Chống sét van (LA) 15KV-10KV	Cái	28.00	Không sử dụng được 15kV	
148	3.20.94.045.USA.00.000	DIEL 245	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
149	3.20.07.015.USA.00.000	ÔNG NÓI ÉP CU C.S.C25MM2	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
150	3.20.94.061.USA.00.000	DIEL 261	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
151	3.20.94.051.USA.00.000	DIE L 251	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
152	3.20.94.050.USA.00.000	DIEL 250	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
153	3.42.76.293.FRA.00.000	FINISH ACCESSORIES	Bộ	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
154	3.50.90.055.000.00.F00	Relay KCEG 742822(Japan)	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
155	5.20.00.192.000.00.F00	Ông dẫn hơi thủy lực 10.0psi	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
156	3.42.80.932.USA.00.000	Chống sét van (LA) 9KV 10KA CLASS I	Bộ	17.00	Không sử dụng được 9kV	
157	3.20.94.150.USA.00.000	DIEL 350	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
158	3.20.94.120.USA.00.000	DIEL 320	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
159	3.46.55.419.RUS.00.000	Công tắc KCA 5 412 220/380V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
160	3.20.30.316.VIE.00.000	Móc treo chữ U-U1-6	Cái	5.00	Lạc hậu kỹ thuật	
161	8.90.20.268.000.00.F00	Chốt sắt 1899 hotline	Cái	15.00	Lạc hậu kỹ thuật	
162	3.20.31.471.USA.00.000	KEP NÓI ÔNG DIAM/30	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
163	3.20.94.677.SWE.00.000	DIE U 253	Cái	6.00	Lạc hậu kỹ thuật	
164	3.30.20.080.000.00.E10	Cầu chì ống 80A	Cái	13.00	Hư cũ	
165	8.71.82.501.000.00.E10	Alarm Relay 33W 220V	Cái	1.00	hư hỏng	

Handwritten signature

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
166	3.62.90.190.USA.00.000	VAR/MTR 3F 4W 160/1+120/	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
167	3.42.76.309.USA.00.000	HV BIRD GUARDS CB 24KV	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
168	3.42.76.532.USA.00.000	VACUM IRT	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
169	8.71.82.503.000.00.E10	Noisy Tester	Cái	11.00	hư hỏng	
170	3.46.14.250.000.00.F00	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 250A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
171	8.71.82.500.000.00.E10	Timing 125V Relay	Cái	1.00	hư hỏng	
172	4.90.80.996.000.00.F00	Chụp sứ polymer (có ty sắt)	Cái	8.00	Lạc hậu kỹ thuật	
173	3.42.80.015.USA.00.A80	Chống sét van (LA) 15KV DISTRIBUTION	Cái	8.00	Không sử dụng được 15kV	
174	3.42.80.318.USA.00.F00	LA 12KV Polymer CL1	Cái	7.00	Không sử dụng được 12kV	
175	3.10.96.702.VIE.00.000	70KN SỬ ĐỒ DÂY 50, 70	Cái	7.00	Lạc hậu kỹ thuật	
176	3.62.90.191.000.00.000	VAR/MTR 3F 4W 400/1+120/	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
177	3.42.80.114.USA.00.000	LA 12,7KV OHI	Bộ	6.00	Không sử dụng được 15kV	
178	3.42.76.306.USA.00.000	NUTS CB 24KV-630A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
179	5.50.10.254.USA.00.000	CUỘN CẮT MCSF6 24KVR184	Cái	4.00	Lạc hậu kỹ thuật	
180	5.50.10.257.USA.00.000	CUỘN CẮT MCSF6 24KVR281	Cái	4.00	hư hỏng	
181	1.61.56.200.000.00.000	Compound 200gr	Cái	2.00	Kém phẩm chất	
182	3.46.55.413.RUS.00.000	Công tắc tơ TGL 500V 10A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
183	3.46.55.414.RUS.00.000	Công tắc tơ 3N41 60BT 110V	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
184	3.42.80.010.000.00.E10	LA 15kV	Cái	4.00	Không sử dụng được	
185	3.46.55.417.RUS.00.000	Công tắc tơ N2 10H2 220V 6A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
186	3.20.94.561.USA.00.000	Ổng nối DIES W BG	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
187	3.20.94.570.USA.00.000	COMPRES/DIES U 360	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
188	3.20.94.571.USA.00.000	COMPRES/DIES U 60	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
189	3.46.55.410.RUS.00.000	Công tắc tơ NB2 220V 60A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
190	3.42.80.011.000.00.E10	LA 18kV	Cái	2.00	Không sử dụng được	
191	3.42.80.935.USA.00.000	Chống sét van (LA) 42KV 10KA CLASS 2	Bộ	2.00	Không sử dụng được 42kV	
192	3.42.76.307.USA.00.000	WASHER CB 24KV-630A	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
193	3.20.94.666.USA.00.000	DIE U608 556,5 ACSR	Cái	2.00	Lạc hậu kỹ thuật	
194	3.50.43.008.000.00.F00	Relay CR50-50A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
195	3.42.80.127.USA.00.000	SURGE ARRESTER 12,7KV	Bộ	1.00	Không sử dụng được 12kV	
196	3.20.94.673.SWE.00.000	DIE U 350	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
197	4.90.80.424.000.00.F00	Nút vặn E3810 A1	Cái	110.00	Lạc hậu kỹ thuật	
198	3.70.75.004.JPN.00.000	Băng keo cách điện trung thế 2 phân	Cuộn	20.00	Kém phẩm chất	
Kho: LJ3 - NG_LJ3_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 264						
1	5.38.00.472.USA.00.000	FUEL FILTER 8275432	Cái	1,951.00		
Kho: kho công ty DV Điện Lực miền nam.						
1	3.02.30.603.000.00.D10	Trụ neo cuối 01 mạch	Trụ	1	Hàng thu hồi.	
2	3.06.50.000.000.00.D10	Cổ đế các loại	Bộ	601	Hàng thu hồi.	
3	3.20.45.013.000.00.A80	Mắc nối trung gian NG-12	Cái	44	Hàng thu hồi.	
4	3.20.45.122.CHN.00.A80	Mắc nối điều chỉnh PT-12	Cái	38	Hàng thu hồi.	
5	3.20.45.169.000.00.A80	Vòng treo đầu tròn	Cái	374	Hàng thu hồi.	
6	3.20.45.307.CHN.00.A80	Mắc nối trung gian 70kN	Cái	16	Hàng thu hồi.	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
7	3.20.45.311.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng 7	Cái	10	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
8	3.20.45.313.000.00.D10	Mắc nối trung gian PD- 12	Cái	9	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
9	3.20.45.314.000.00.D10	Mắc nối trung gian P- 12	Cái	32	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
10	3.20.45.315.000.00.D10	Mắc nối trung gian PS- 12	Cái	440	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
11	3.20.45.316.000.00.D10	Mắc nối trung gian P- 16	Cái	56	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
12	3.20.45.322.000.00.D10	Mắc nối trung gian PH- 21	Cái	23	Hư hỏng	
13	3.20.45.333.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng BT- 12	Cái	7	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
14	3.20.45.336.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng Z- 16	Cái	7	Hư hỏng	
15	3.20.45.337.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng ZS- 16	Cái	54	Hư hỏng	
16	3.20.50.962.000.00.D10	Vòng treo đầu tròn QP-12	Cái	72	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
17	3.20.55.508.CHN.00.A80	TENSION CLAMP TK 50	Cái	2	Hàng thu hồi.	
18	3.20.60.187.VIE.00.D10	Khóa đỡ dây 185mm	Cái	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
19	3.20.60.410.000.00.D10	Khóa đỡ dây AC410 mm2	Cái	3	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
20	3.20.60.506.000.00.D10	Khóa đỡ DCS	Cái	27	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
21	3.20.61.070.000.00.D10	Khóa neo ép DCS- TK 70	Cái	3	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
22	3.20.65.121.VIE.00.A80	Khánh 120kN	Cái	19	Hàng thu hồi.	
23	3.20.65.190.000.00.D10	Khánh tam giác đối (L- 1220)	Cái	55	Hư hỏng	
24	3.20.65.193.000.00.D10	Khánh tam giác đối L- 1240 (4 tác)	Cái	8	Hư hỏng	
25	3.20.65.951.VIE.00.D10	Mắc nối kép	Cái	12	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
26	3.20.65.963.000.00.B10	Mắc nối chuyển hướng	Cái	88	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
27	3.20.94.301.000.00.D10	Amarođ dây 300/39	Bộ	104	Hư hỏng	
28	3.20.94.438.000.00.D10	Khóa neo dây chống sét	Cái	5	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
29	3.30.20.010.000.00.D10	Chỉ ống 24kV 10A	Cái	11	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
30	3.30.20.012.000.00.D10	Chỉ ống 24kV-6A	Cái	5	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
31	3.30.20.063.000.00.D10	Cầu chì ống 24kV 6.3A	Cái	10	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
32	3.30.20.615.000.00.D10	Chỉ ống 24kV (55A)	Cái	3	Hư hỏng	
33	3.42.28.060.000.00.D10	Khớp nối ống truyền động DCL	Cái	2	Hư hỏng	
34	3.42.28.070.000.00.D10	Bass nối các loại	Cái	2	Hư hỏng	
35	3.42.28.611.000.00.D10	Lưỡi tiếp địa	Bộ	6	Hư hỏng	
36	3.42.80.351.000.00.D10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	2	Hư hỏng	
37	3.42.95.080.000.00.A80	BỘ ĐẾM SÉT	Bộ	15	Hàng thu hồi không sử dụng được	
38	3.50.03.018.000.00.D10	Relay bảo vệ quá dòng cô hướng	Cái	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
39	3.80.88.016.VIE.00.A80	Khánh đơn	Cái	22	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
40	4.69.12.003.000.00.D10	Bulông móng 24x 750	Cái	409	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
41	5.50.10.070.000.00.D10	Giế tháo tác cho máy cắt	Cái	17	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
VẬT TƯ THU HỒI						
Vật tư thu hồi (Công trình sửa chữa nhà kho Tổng Kho)						
1		Cầu thông gió inox	bộ	176.00	Hư hỏng	
2		Tole lợp mái	m2	2,616.28	Hư hỏng	
3		Tole lợp mái	Lô	1.00	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi (Tháo dỡ văn phòng làm việc trong kho)						
4		Nhóm phế liệu	Lô	1	Hư hỏng	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
5		Cửa nhôm	Lô	1	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi (Công trình sửa chữa văn phòng đường Bà Triệu)						
6		Cửa sắt (2330x2550mm)	Bộ	2	Hư hỏng	
7		Cửa sắt 2 cánh (1650x2200mm)	Bộ	6	Hư hỏng	
8		Cửa sắt 4 cánh (2530x2200mm)	Bộ	6	Hư hỏng	
9		Cửa sắt chính (3800x2350mm)	Bộ	4	Hư hỏng	
10		Cửa sổ sắt (2330x1300mm)	Bộ	14	Hư hỏng	
11		Thép C dày 8mm dài 3m	Cây	56	Hư hỏng	
12		Thép hộp 25x50 dài 0,2m	Cây	175	Hư hỏng	
13		Thép hộp 40x40 dài 0,45m	Cây	120	Hư hỏng	
14		Thép hộp 50x100 dài 3m	Cây	59	Hư hỏng	
15		Thép 1200 dài 3,8m	Cây	10	Hư hỏng	
16		Thép U100 dài 2,7m	Cây	8	Hư hỏng	
17		Tole	m2	166	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi kho 262						
18		Hộp sắt 0,6x1 m	Cái	15	Lạc hậu kỹ thuật	
19		Hộp sắt 0,4x0,6 m	Cái	80	Lạc hậu kỹ thuật	
20		Phiếu liệu các loại.	Kg	60	Hư hỏng	
21		Ống ép 95	Cái	1	Hư hỏng	
22		Ống ép 120	Cái	1	Hư hỏng	
23		Ống ép 150	Cái	1	Hư hỏng	
24		Ống ép 185	Cái	2	Hư hỏng	
25		Ống ép 240	Cái	1	Hư hỏng	
26		Tì nèo	Cái	134	Hư hỏng	
27		Đầu nối kẹp dây ACRS	Cái	70	Hư hỏng	
28		Bồn dầu	Cái	1	Hư hỏng	
29		Máy hàn	Cái	1	Hư hỏng	
30		Xe đẩy 8 bánh	Cái	5	Hư hỏng	
31		Xe đẩy 2 bánh	Cái	3	Hư hỏng	
32		Máy điện toán	Cái	1	Hư hỏng	
33		Dao cắt ly	Cái	1	Hư hỏng	
34		Bộ đánh lửa	Cái	1	Hư hỏng	
TỔNG CỘNG:						



Handwritten signature

PHỤ LỤC 8A
BỔ SUNG BẢN THANH LÝ CCDC HƯ HỎNG

STT	Mã CCDC	TÊN CCDC	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
CÔNG CỤ DỤNG CỤ ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ (KHÔNG CTNH):				26	
1	DVD_CTA_CCDC_00021	Bàn cắt giấy	Cái	1	Hư hỏng
2	DVD_CTA_CCDC_00022	Bàn cắt giấy	Cái	1	Hư hỏng
3	DVD_CTA_CCDC_00023	Bàn cắt giấy A3 Bosser 858	Cái	1	Hư hỏng
4	DVD_CTA_CCDC_00065	Bồn rửa mắt khẩn cấp ZX104	Cái	3	Hư hỏng
5	DVD_CTA_CCDC_00071	Cào	Cái	5	Hư hỏng
6	DVD_CTA_CCDC_00082	Giế xoay lưng cao, đệm simili- pho cũ	Cái	2	Hư hỏng
7	DVD_CTA_CCDC_00125	Lồng ủ tằm (gia công)	Cái	2	Hư hỏng
8	DVD_CTA_CCDC_00156	Máy khoan	Cái	5	Hư hỏng
9	DVD_CTA_CCDC_00157	Máy khoan	Cái	3	Hư hỏng
10	DVD_CTA_CCDC_00157	Máy khoan	Cái	3	Hư hỏng
11	DVD_CTA_CCDC_00158	Máy khoan	Cái	1	Hư hỏng
12	DVD_CTA_CCDC_00164	Máy khoan động lực Bosch GSB	Cái	0	Hư hỏng
13	DVD_CTA_CCDC_00165	Máy khoan động lực dùng pin Bosch	Cái	3	Hư hỏng
14	DVD_CTA_CCDC_00166	Máy khoan pin Bosch	Cái	3	Hư hỏng
15	DVD_CTA_CCDC_00176	Máy mài - Asaki MD3220 Trung Quốc	Cái	1	Hư hỏng
16	DVD_CTA_CCDC_00178	Máy mài góc	Cái	1	Hư hỏng
17	DVD_CTA_CCDC_00180	Máy mài góc Bosch	Cái	2	Hư hỏng
18	DVD_CTA_CCDC_00181	Máy mài góc Bosch	Cái	4	Hư hỏng
19	DVD_CTA_CCDC_00207	Pa lăng từ xích điện treo cố định DU-750 500kg	Cái	1	Hư hỏng
20	DVD_CTA_CCDC_00208	Pa lăng xích 0.5T - Model: HHD 0.5-01 500Kg - Hiệu TXK China	Cái	1	Hư hỏng
21	DVD_CTA_CCDC_00209	PALANG XÍCH ĐIỆN - Hiệu Konecranes XN2 Đức 500kg	Cái	1	Hư hỏng
22	DVD_CTA_CCDC_00210	PALANG XÍCH ĐIỆN - Hiệu Kukdong Korea 500Kg - Speed 10m/mm	Cái	1	Hư hỏng
23	DVD_CTA_CCDC_00211	PALANG XÍCH ĐIỆN - Hiệu Elephant Japan 1 tấn	Cái	1	Hư hỏng
24	DVD_CTA_CCDC_00215	Quạt đứng - Lifan Việt nam	Cái	12	Hư hỏng
25	DVD_CTA_CCDC_00215	Quạt đứng - Lifan Việt nam	Cái	3	Hư hỏng
26	DVD_CTA_CCDC_00217	Quạt công nghiệp Dasin - Loại đứng KSM-3076	Cái	2	Hư hỏng